TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Lý thuyết nghiệp (P.1)

ISSN: 2734-9195 08:15 23/11/2026

Vậy ai là người tạo nghiệp? Ai là người trải nghiệm kết quả của nghiệp? Chính tác ý hay ý chí (Cetanā) là yếu tố thực hiện hành động, còn cảm thọ (Vedanā) là yếu tố tiếp nhận và trải nghiệm quả của những hành động ấy.

Nghiệp là một trong những giáo lý nền tảng của Phật giáo, lý giải mối liên hệ giữa hành động có chủ ý và những hệ quả trong đời sống. Tuy nhiên, nghiệp không đồng nghĩa với định mệnh, cũng không phải sự ban thưởng hay trừng phạt từ một quyền lực siêu nhiên. Qua việc phân tích các quy luật tự nhiên, bản chất của nghiệp, quả nghiệp và mối liên hệ với giáo lý vô ngã, bài viết làm sáng tỏ cách nhìn của Phật giáo về trách nhiệm cá nhân, khả năng chuyển hóa hành vi và con đường giải thoát khỏi khổ đau.

Nghiệp (Karma) là quy luật **nhân quả** đạo đức. Học thuyết về nghiệp giữ vị trí nền tảng trong giáo lý Phật giáo. Quan niệm này vốn đã phổ biến tại Ấn Độ trước khi Đức Phật xuất hiện. Tuy nhiên, chính đức Phật là người đã giải thích và hệ thống hóa học thuyết ấy một cách hoàn chỉnh, với nội dung mà chúng ta được biết ngày nay.

Điều gì tạo nên sự bất bình đẳng giữa con người với nhau? Vì sao có người sinh ra và lớn lên trong nhung lụa, được thừa hưởng những phẩm chất ưu tú về trí tuệ, đạo đức và thể chất, trong khi người khác lại phải sống trong cảnh nghèo đói cùng cực, chìm đắm giữa những khổ đau?

Vì sao có người sở hữu trí tuệ vượt trội, còn người khác lại kém phát triển về nhận thức? Vì sao có người sinh ra đã mang những phẩm chất cao thượng, trong khi người khác lại có khuynh hướng phạm tội?

Vì sao ngay từ thuở lọt lòng, một số người đã bộc lộ năng khiếu về ngôn ngữ, nghệ thuật, toán học hay âm nhạc, còn những người khác lại mang khiếm khuyết bẩm sinh như mù lòa, điếc hoặc dị dạng cơ thể?

Vì sao có người dường như được ưu ái bởi số phận, trong khi người khác lại phải gánh chịu bất hạnh ngay từ khi sinh ra?



Nghiệp và quy luật nhân quả

Sự khác biệt và bất bình đẳng ấy giữa con người hoặc phải có nguyên nhân, hoặc chỉ đơn thuần là kết quả của sự ngẫu nhiên. Không một người có tư duy hợp lý nào dễ dàng quy toàn bộ sự chênh lệch, bất **bình đẳng** và đa dạng ấy cho sự may rủi mù quáng hay những tình cờ vô cớ. Trong thế giới này, không có điều gì xảy đến với một người mà hoàn toàn không có nguyên nhân. Tuy nhiên, người có nhận thức thông thường không phải lúc nào cũng hiểu được nguyên nhân thực sự đằng sau những hiện tượng ấy.

Những nguyên nhân vô hình tạo nên kết quả hữu hình không nhất thiết chỉ giới hạn trong đời sống hiện tại, mà có thể bắt nguồn từ những kiếp sống trước, gần hoặc xa trong quá khứ. Theo Phật giáo, sự khác biệt giữa con người không chỉ do di truyền, môi trường sống, các yếu tố tự nhiên và quá trình nuôi dưỡng, giáo dục (*nature and nurture*), mà còn chịu ảnh hưởng của nghiệp. Nói cách khác, đó là kết quả từ những hành động trong quá khứ và những việc làm của chính chúng ta ở hiện tại.

Mỗi người phải chịu trách nhiệm về hạnh phúc và khổ đau của chính mình. Chúng ta tự kiến tạo thiên đường, cũng tự tạo dựng địa ngục cho bản thân. Chính chúng ta là người xây dựng vận mệnh của mình.

Trước sự khác biệt tưởng chừng khó lý giải giữa con người với nhau, một người trẻ đang trên hành trình tìm kiếm chân lý đã đến thưa hỏi đức Phật về vấn đề phức tạp này: *“Bạch Thế Tôn, do nguyên nhân nào, do lý do gì mà giữa loài người lại có những người thọ mạng ngắn ngủi và những người sống lâu; người khỏe mạnh và người bệnh tật; người xấu xí và người xinh đẹp; người không có thế lực và người đầy quyền uy; người nghèo khó và người giàu sang; người sinh*

ra trong gia đình thấp kém và người thuộc dòng dõi cao quý; người thiếu hiểu biết và người trí tuệ?"

Đức Phật trả lời: *"Tất cả chúng sinh đều có nghiệp làm sở hữu, nghiệp là di sản, nghiệp là nguyên nhân sinh khởi, nghiệp là thân quyến, nghiệp là nơi nương tựa. Chính nghiệp phân chia chúng sinh thành những cảnh giới cao thấp khác nhau".*

Sau đó, đức Phật tiếp tục giải thích nguyên nhân của những khác biệt ấy theo **quy luật nhân quả**.

Chắc chắn, mỗi người đều được sinh ra với những đặc điểm di truyền nhất định. Tuy nhiên, chúng ta đồng thời sở hữu những năng lực bẩm sinh mà khoa học chưa thể lý giải một cách đầy đủ. Từ cha mẹ, chúng ta thừa hưởng tinh chất sinh học của tinh trùng và trứng, những thành phần hình thành nền tảng ban đầu của một cá thể được gọi là con người. Các yếu tố này tồn tại trong cơ thể cha mẹ cho đến khi mầm sống tiềm năng được tiếp thêm sinh lực bởi năng lượng nghiệp, từ đó hình thành bào thai. Vì vậy, nghiệp được xem là một điều kiện thiết yếu trong quá trình thụ thai và hình thành sự sống.

Những khuynh hướng nghiệp đã tích lũy và tiếp nối qua nhiều đời sống đôi khi giữ vai trò quan trọng hơn cả các tế bào sinh sản và gen di truyền từ cha mẹ trong việc hình thành những đặc điểm thể chất cũng như tâm lý của một con người.

Chẳng hạn, đức Phật cũng thừa hưởng tế bào sinh sản và các yếu tố di truyền từ cha mẹ như mọi người khác. Tuy nhiên, xét trên phương diện thể chất, đạo đức và trí tuệ, không một ai trong dòng dõi hoàng tộc lâu đời của Ngài có thể sánh được với Ngài. Theo chính lời đức Phật, Ngài không thuộc dòng dõi hoàng gia theo nghĩa thông thường, mà thuộc dòng dõi của những bậc Thánh giác ngộ Arya Buddha. Ngài thực sự là một con người phi thường, một bậc siêu việt được hình thành bởi chính nghiệp lực của mình.

Theo *Kinh Tướng* (*Lakkhaṇa Sutta*), thuộc *Trường Bộ Kinh* (*Dīgha Nikāya*), đức Phật có những đặc điểm đặc biệt, tiêu biểu là 32 tướng tốt của bậc Đại nhân. Những đặc điểm này được giải thích là thành quả từ các thiện nghiệp mà Ngài đã tích lũy trong những đời sống trước. Kinh cũng trình bày rõ mối liên hệ về phương diện đạo đức giữa từng tướng tốt với những hành động thiện lành tương ứng.

Trường hợp đặc biệt này cho thấy, theo lập luận của tác giả, khuynh hướng nghiệp không chỉ ảnh hưởng đến cấu trúc thể chất mà còn có thể làm thay đổi hoặc lấn át những tiềm năng vốn có từ tế bào và gen di truyền của cha mẹ.

Điều đó càng làm nổi bật ý nghĩa trong lời dạy đầy hàm súc của đức Phật: "**Chúng ta là những người thừa hưởng chính nghiệp của mình**".

Bàn về vấn đề khác biệt giữa các chúng sinh, bộ *Atthasālinī* , một bộ chú giải thuộc hệ thống luận thư A tỳ đàm viết: *"Do sự khác biệt về nghiệp mà có sự khác biệt trong cảnh giới tái sinh của chúng sinh: có người ở địa vị thấp kém, có người ở địa vị cao quý; có người hèn kém, có người cao thượng; có người hạnh phúc, có người khổ đau.*

Do sự khác biệt về nghiệp mà những đặc điểm cá nhân của chúng sinh cũng khác nhau: người xinh đẹp, kẻ xấu xí; người sinh ra trong gia đình cao quý, kẻ thuộc dòng dõi thấp kém; người có thân hình cân đối, người mang hình hài khiếm khuyết.

Do sự khác biệt về nghiệp mà hoàn cảnh thế gian của chúng sinh cũng khác nhau, thể hiện qua được và mất, danh dự và ô nhục, bị khiển trách và được tán dương, hạnh phúc và khổ đau".

Như vậy, từ góc nhìn Phật giáo, những khác biệt về tâm lý, đạo đức, **trí tuệ** và khí chất của mỗi người trong hiện tại phần lớn bắt nguồn từ hành động và những khuynh hướng đã được hình thành, tích lũy trong cả quá khứ lẫn hiện tại.

Mặc dù Phật giáo xem nghiệp là một trong những nguyên nhân chủ yếu tạo nên sự khác biệt giữa chúng sinh, nhưng không khẳng định rằng mọi sự việc đều do nghiệp quyết định. Dù có tầm quan trọng đặc biệt, quy luật nghiệp vẫn chỉ là một trong 24 duyên được trình bày trong triết học Phật giáo.

Để bác bỏ quan điểm sai lầm cho rằng "mọi may mắn hay bất hạnh mà con người trải nghiệm đều hoàn toàn do những hành động trong quá khứ", đức Phật đã đưa ra lời phản biện: *"Nếu chấp nhận quan điểm này, thì do những hành động trong quá khứ, con người sẽ trở thành kẻ sát nhân, trộm cắp, tà hạnh, nói dối, nói lời chia rẽ, tham lam, sân hận và tà kiến. Như vậy, đối với những người lấy hành động trong quá khứ làm nguyên nhân duy nhất, họ sẽ không còn ý muốn hành động, không cần nỗ lực hành động, cũng không thấy có lý do hay trách nhiệm phải thực hiện một việc hoặc từ bỏ một việc nào đó".*

Đây chính là đoạn kinh quan trọng mà đức Phật dùng để bác bỏ quan niệm cho rằng mọi hoàn cảnh thể chất và trạng thái tâm lý của con người đều chỉ bắt nguồn từ nghiệp quá khứ.

Nếu đời sống hiện tại hoàn toàn bị quy định hoặc kiểm soát tuyệt đối bởi những hành động đã qua, thì nghiệp chẳng khác nào thuyết định mệnh, thuyết tất định hay thuyết tiền định. Nếu điều đó là đúng, ý chí tự do của con người sẽ trở

thành một khái niệm vô nghĩa. Khi ấy, cuộc sống chỉ còn vận hành như một cỗ máy, không có nhiều khác biệt so với một hệ thống cơ giới được lập trình sẵn.

Việc cho rằng con người được tạo ra bởi một vị Thượng đế toàn năng, Đấng kiểm soát vận mệnh và định đoạt tương lai của mỗi người, hay cho rằng con người bị chi phối bởi một nghiệp lực không thể cưỡng lại, hoàn toàn quyết định số phận và điều khiển toàn bộ tiến trình cuộc sống mà không phụ thuộc vào bất kỳ hành động tự do nào của cá nhân, về bản chất đều giống nhau. Sự khác biệt duy nhất chỉ nằm ở hai khái niệm: Thượng đế và nghiệp. Một khái niệm có thể dễ dàng được thay thế bằng khái niệm kia, bởi cơ chế vận hành cuối cùng của cả hai đều mang tính quyết định tuyệt đối đối với số phận con người.

Tuy nhiên, **đó không phải là quan niệm về nghiệp trong Phật giáo**. Theo Phật giáo, có năm hệ thống quy luật hay năm tiến trình (*niyama*) vận hành trong lĩnh vực vật chất và tinh thần. Đó là n**ăm quy luật tự nhiên (Pañca Niyāma):**

1. Utu Niyāma - Quy luật vật lý vô cơ

Đây là quy luật vận hành của thế giới vật lý vô cơ, chẳng hạn như các hiện tượng thời tiết theo mùa, gió và mưa. Sự tuần hoàn đều đặn của các mùa, những biến đổi và hiện tượng đặc trưng theo từng mùa, nguyên nhân hình thành gió và mưa, tính chất của nhiệt độ... đều thuộc phạm trù này.

2. Bīja Niyāma - Quy luật sinh học hữu cơ

Đây là quy luật vận hành của mầm sống và hạt giống, thuộc lĩnh vực vật chất hữu cơ. Chẳng hạn, hạt lúa sinh ra cây lúa; vị ngọt có trong cây mía hoặc mật ong; những đặc tính riêng biệt của từng loại trái cây...

Các lý thuyết khoa học về tế bào, gen và sự tương đồng về thể chất giữa những người sinh đôi cũng có thể được xếp vào quy luật này.

3. Karma Niyāma - Quy luật nghiệp và quả

Đây là quy luật về hành động và kết quả. Những hành động thiện hoặc bất thiện sẽ tạo ra những kết quả tương ứng, tốt hoặc xấu.

Cũng chắc chắn như nước luôn tìm về nơi thấp, nghiệp khi có đủ điều kiện sẽ tạo ra kết quả tất yếu của nó. Kết quả ấy không nên được hiểu theo nghĩa ban thưởng hay trừng phạt, mà là sự tiếp nối tự nhiên vốn có giữa hành động và hệ quả. Mối quan hệ giữa hành vi và kết quả cũng tự nhiên, tất yếu như quy luật vận hành của mặt trời và mặt trăng.

4. Dhamma Niyāma - Quy luật tự nhiên và trật tự phổ quát

Đây là quy luật về trật tự tự nhiên, chẳng hạn những hiện tượng đặc biệt xuất hiện khi một vị Bồ tát đản sinh trong kiếp sống cuối cùng trước khi thành Phật. Quy luật hấp dẫn và những quy luật tự nhiên tương tự cũng thuộc phạm trù này. Những nguyên lý tự nhiên chi phối tính thiện và các hiện tượng tương ứng cũng có thể được xếp vào nhóm này.

5. Citta Niyāma - Quy luật tâm thức

Đây là quy luật vận hành của tâm và các hiện tượng thuộc lĩnh vực tâm linh, bao gồm tiến trình nhận thức, sự sinh khởi và hoại diệt của tâm, các thành phần cấu thành tâm thức và năng lực của tâm.

Nhóm này còn bao gồm những hiện tượng như thần giao cách cảm, tri giác vượt ngoài giác quan thông thường, nhận biết sự kiện trong quá khứ, linh cảm về tương lai, thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, khả năng đọc được tư tưởng của người khác và những hiện tượng tâm linh khác mà khoa học hiện đại chưa thể giải thích.

Mọi hiện tượng thuộc lĩnh vực vật chất và tinh thần đều có thể được lý giải thông qua năm quy luật hay tiến trình bao quát này. Mỗi quy luật đều có cơ chế vận hành riêng và tự thân là một quy luật. Nghiệp, xét theo nghĩa này, chỉ là một trong năm quy luật ấy. Cũng giống như những quy luật tự nhiên khác, chúng không cần đến một đấng lập pháp hay chủ thể tối cao nào tạo ra và điều khiển.

Trong năm quy luật trên, quy luật vật lý vô cơ và quy luật trật tự tự nhiên ít nhiều mang tính cơ giới, mặc dù con người có thể tác động và kiểm soát chúng ở một mức độ nhất định bằng trí tuệ, kỹ thuật và năng lực tinh thần.

Chẳng hạn, lửa vốn có tính chất gây bỏng, giá lạnh cực độ có thể làm đông cứng mọi vật, nhưng con người vẫn có thể thực hiện những bước đi trên lửa mà không bị tổn thương, hoặc ngồi thiền trong trạng thái không mặc quần áo giữa tuyết lạnh trên dãy Himalaya. Những người làm vườn và các nhà trồng trọt đã tạo nên nhiều kỳ tích trong việc lai tạo, chăm sóc hoa và cây ăn quả. Các hành giả Yoga cũng từng thực hiện những hiện tượng được mô tả là bay bổng, vượt khỏi tác động thông thường của trọng lực.

Quy luật tâm thức cũng có tính vận hành theo cơ chế riêng. Tuy nhiên, sự tu tập trong Phật giáo hướng đến việc làm chủ tâm, điều có thể đạt được thông qua chánh kiến và tác ý đúng đắn.

Quy luật nghiệp vận hành một cách tự nhiên. Khi nghiệp có sức mạnh chi phối lớn, con người không thể tùy ý ngăn cản kết quả tất yếu của nó, dù có mong muốn làm như vậy. Tuy nhiên, ngay cả trong trường hợp này, chánh kiến và tác ý đúng đắn vẫn có thể tạo nên những chuyển biến quan trọng, góp phần định hình tương lai.

Việc kiên trì tạo dựng thiện nghiệp có thể ngăn cản hoặc làm suy yếu điều kiện trổ quả của ác nghiệp. Một số học giả phương Tây thích sử dụng thuật ngữ "ảnh hưởng của hành động" (*action influence*) để diễn đạt khái niệm này. Dù vậy, nghiệp vẫn là một quy luật vô cùng phức tạp, mà chỉ một vị Phật mới có thể thấu hiểu trọn vẹn cơ chế vận hành của nó.

Mục tiêu của người tu tập theo Phật giáo là đi đến sự đoạn tận hoàn toàn mọi nghiệp.

Nghiệp là gì?

Thuật ngữ Pāli *Karma* (Pāli: *Kamma*) có nghĩa đen là hành động hoặc việc làm. Bất kỳ hành động có chủ ý nào, dù được thực hiện thông qua thân, lời nói hay tâm ý, đều được xem là nghiệp. Khái niệm này bao hàm toàn bộ những gì được diễn đạt qua cụm từ "ý nghĩ, lời nói và hành động".

Nói một cách khái quát, mọi hành động thiện và bất thiện đều cấu thành nghiệp. Xét theo ý nghĩa rốt ráo, nghiệp chính là mọi tác ý có tính đạo đức hoặc phi đạo đức, tức thiện nghiệp và bất thiện nghiệp.

Những hành động diễn ra ngoài ý muốn, không có chủ đích hoặc trong trạng thái vô thức, mặc dù về mặt kỹ thuật vẫn được xem là hành vi, nhưng không cấu thành nghiệp theo nghĩa này. Bởi lẽ, tác ý - yếu tố quan trọng nhất quyết định bản chất của nghiệp không hiện diện trong những trường hợp ấy.

Đức Phật dạy: "***Này các Tỳ-kheo, Như Lai tuyên bố rằng tác ý chính là nghiệp. Sau khi có tác ý, người ta thực hiện hành động bằng thân, lời nói và ý nghĩ***" (*Tăng Chi Bộ Kinh - Aṅguttara Nikāya*).

Mọi hành động có tác ý của mỗi cá nhân, ngoại trừ hành động của chư Phật và các bậc A la hán, đều được gọi là nghiệp. Trường hợp của các bậc giác ngộ được xem là ngoại lệ bởi các Ngài đã vượt thoát cả thiện lẫn ác, đồng thời đoạn trừ vô minh và tham ái - hai cội rễ hình thành nghiệp.



Duyên khởi, luân hồi và sự tiếp nối của nghiệp

Kinh Ratana thuộc *Kinh Tập* (*Sutta Nipāta*) viết: “Những hạt giống sinh khởi đã bị đoạn diệt (*khīṇa bīja*), những ham muốn ích kỷ không còn phát triển”.

Điều này không có nghĩa đức Phật và các bậc A la hán sống thụ động, không còn hành động. Trái lại, các Ngài luôn tích cực và không mệt mỏi trong việc phụng sự, hướng đến lợi ích chân thực và hạnh phúc của tất cả chúng sinh.

Những hành động của các Ngài, dù theo cách hiểu thông thường vẫn được xem là thiện lành và có giá trị đạo đức, nhưng không còn năng lực tạo nghiệp mới đối với chính các Ngài. Do thấu hiểu vạn pháp đúng như bản chất của chúng, các Ngài đã hoàn toàn phá vỡ những trói buộc trong vòng luân hồi, tức chuỗi liên kết nhân duyên và quả báo chi phối đời sống chúng sinh.

Nghiệp không nhất thiết chỉ là những hành động trong quá khứ. Khái niệm này bao hàm cả hành động đã thực hiện trước đây lẫn những việc làm trong hiện tại.

Vì vậy, xét trên một phương diện, chúng ta là kết quả của những gì mình đã từng là và chúng ta sẽ trở thành kết quả của chính con người mình trong hiện tại.

Tuy nhiên, cần bổ sung một phương diện khác: chúng ta không hoàn toàn là kết quả của những gì mình đã từng là; tương lai cũng không tuyệt đối bị quyết định bởi những gì chúng ta đang là.

Không thể phủ nhận hiện tại là kết quả tiếp nối từ quá khứ, đồng thời là nền tảng hình thành tương lai. Nhưng hiện tại không phải lúc nào cũng phản ánh

chính xác toàn bộ quá khứ, cũng không hoàn toàn quyết định tương lai. Điều này cho thấy cơ chế vận hành của nghiệp vô cùng phức tạp.

Chính quan niệm về nghiệp này cũng được người mẹ truyền dạy cho con trẻ khi nói:

“Con hãy sống tốt, rồi con sẽ được hạnh phúc và cha mẹ sẽ yêu thương con. Nhưng nếu con làm điều xấu, con sẽ phải chịu bất hạnh và cha mẹ sẽ không yêu thương con”.

Tóm lại, **nghiệp là quy luật nhân quả trong lĩnh vực đạo đức**, phản ánh mối liên hệ giữa tác ý, hành động và những hệ quả mà hành động ấy tạo ra.

Nghiệp và quả nghiệp (Karma và Vipāka)

Nghiệp (*Karma/Kamma*) là hành động, còn *Vipāka* là quả hay kết quả phát sinh từ hành động ấy. Cũng như mọi vật đều có bóng đi kèm, mỗi hành động có tác ý đều tất yếu gắn liền với hệ quả tương ứng.

Có thể hình dung nghiệp giống như một hạt giống tiềm tàng, còn quả nghiệp (*Vipāka*) giống như quả được sinh ra từ cây, tức kết quả phát sinh từ hạt giống ấy.

Ānisaṃsa và *Ādīnava* có thể được ví như lá, hoa và những bộ phận khác của cây, tương ứng với các biểu hiện khác nhau trong hoàn cảnh bên ngoài của con người, chẳng hạn sức khỏe, bệnh tật và sự nghèo khó. Đây là những hệ quả đi kèm, phát sinh đồng thời với những kết quả tương ứng.

Xét một cách nghiêm ngặt, cả nghiệp và quả nghiệp đều thuộc phạm vi tâm thức. Nghiệp có thể là thiện hoặc bất thiện, thì quả nghiệp cũng có thể mang tính chất tốt hoặc xấu tương ứng. Vì nghiệp thuộc về tâm, nên quả nghiệp cũng được biểu hiện trước hết trong lĩnh vực tâm lý.

Tùy theo tính chất của hạt giống nghiệp, quả nghiệp được trải nghiệm dưới những trạng thái như hạnh phúc, an lạc, bất hạnh hoặc khổ đau.

Ānisaṃsa chỉ những lợi ích vật chất đi kèm, chẳng hạn sự thịnh vượng, sức khỏe và tuổi thọ. Khi những điều kiện vật chất đi kèm với quả nghiệp mang tính bất lợi, chúng được gọi là *Ādīnava*, biểu hiện qua những hoàn cảnh bất hạnh như nghèo khó, dung mạo không đẹp, bệnh tật, tuổi thọ ngắn ngủi và những tình trạng tương tự.

Chúng ta gieo nhân ở đâu và vào thời điểm nào thì sẽ gặt quả ở đó và vào một thời điểm tương ứng, có thể ngay trong đời này hoặc ở một kiếp sống tương lai.

Những gì chúng ta đang gặt hái hôm nay chính là kết quả của những hạt giống đã gieo trong hiện tại hoặc quá khứ.

Tương Ưng Bộ Kinh (*Saṃyutta Nikāya*) có bài kệ:

"Gieo giống nào thì gặt quả ấy,

Người làm thiện sẽ gặt điều thiện,

Kẻ làm ác phải nhận quả ác.

Hạt giống đã gieo xuống đất rồi,

Đến ngày, chính người gieo sẽ gặt quả".

Nghiệp không phải là sự ban thưởng hay trừng phạt

Nghiệp là một quy luật tự thân, vận hành trong phạm vi riêng của nó mà không cần đến sự can thiệp của bất kỳ quyền lực cai quản độc lập nào từ bên ngoài.

Hạnh phúc và khổ đau, những trạng thái phổ biến trong đời sống con người là kết quả tất yếu phát sinh từ những nguyên nhân tương ứng. Theo quan điểm Phật giáo, chúng không phải là sự ban thưởng hay trừng phạt do một quyền lực siêu nhiên, toàn tri phân định và áp đặt lên linh hồn của những người đã làm việc thiện hoặc việc ác.

Những người theo chủ nghĩa hữu thần, khi cố gắng giải thích mọi sự việc trong đời sống hiện tại và cả cuộc sống vĩnh hằng sau khi chết nhưng lại bỏ qua những kiếp sống trong quá khứ, thường tin vào một nền công lý được thực thi sau khi chết. Họ có thể xem hạnh phúc và khổ đau hiện tại là những phúc lành hoặc lời nguyền mà Đấng cai quản thiêng liêng, toàn tri và toàn năng từ trên thiên giới ban xuống cho những tạo vật của Ngài, đồng thời kiểm soát vận mệnh của toàn thể nhân loại.



Con người kiến tạo vận mệnh bằng hành động hiện tại

Trái lại, Phật giáo kiên quyết phủ nhận sự tồn tại của một Đấng Sáng tạo toàn năng, đại từ bi và một linh hồn bất tử được tạo ra một cách tùy tiện. Phật giáo tin tưởng vào quy luật tự nhiên và công lý tự nhiên, những quy luật không thể bị đình chỉ hay thay đổi bởi bất kỳ vị Thượng đế toàn năng nào, kể cả một vị Phật có lòng từ bi vô hạn.

Theo quy luật tự nhiên ấy, mỗi hành động đều tự mang theo hệ quả tương ứng đối với người thực hiện, bất kể hành vi đó có bị luật pháp và công lý của con người phát hiện, phán xét hay không.

Có người phê phán quan điểm nghiệp của Phật giáo như sau: *"Như vậy, các phật tử cũng đang sử dụng thứ thuốc phiện tư tưởng của chủ nghĩa tư bản để ru ngủ quần chúng, khi nói rằng: 'Anh sinh ra nghèo khó trong kiếp này là do ác nghiệp từ quá khứ. Người kia sinh ra giàu có là nhờ thiện nghiệp của họ. Vì vậy, hãy bằng lòng với hoàn cảnh thấp kém của mình, nhưng hãy làm việc thiện để được giàu sang trong kiếp sau. Anh đang bị áp bức ở hiện tại là do ác nghiệp quá khứ. Đó chính là số phận của anh. Hãy khiêm nhường, kiên nhẫn chịu đựng đau khổ. Hãy làm việc thiện ngay từ bây giờ. Anh có thể tin chắc rằng sau khi chết sẽ được hưởng một cuộc sống tốt đẹp và hạnh phúc hơn.'".*

Tuy nhiên, học thuyết nghiệp của Phật giáo không hề chủ trương quan điểm định mệnh phi lý như vậy. Phật giáo cũng không cổ súy một thứ công lý chỉ được thực thi sau khi con người qua đời.

Đức Phật, bậc Đại từ bi, không mang bất kỳ động cơ ích kỷ hay toan tính riêng tư nào, không giảng dạy quy luật nghiệp nhằm bảo vệ người giàu, đồng thời xoa

dịu người nghèo bằng những lời hứa hẹn về một hạnh phúc hư ảo ở kiếp sau.

Mặc dù mỗi người được sinh ra trong hoàn cảnh phần nào do chính mình tạo dựng từ trước, nhưng bằng nỗ lực và ý chí tự thân, chúng ta hoàn toàn có khả năng kiến tạo những môi trường sống mới thuận lợi hơn, ngay tại đây và trong hiện tại.

Không chỉ ở phương diện cá nhân, mà cả trên bình diện cộng đồng, con người đều có quyền chủ động tạo dựng những nghiệp mới, đưa cuộc sống theo hướng tiến bộ hoặc suy thoái ngay trong chính kiếp sống này.

Theo học thuyết nghiệp của Phật giáo, con người không phải lúc nào cũng bị trói buộc bởi một thứ "tất yếu sắt đá". Nghiệp không phải là định mệnh, cũng không phải sự tiền định do một quyền lực bí ẩn, vô hình nào đó áp đặt, khiến chúng ta chỉ biết bất lực cam chịu.

Nghiệp chính là hành động của mỗi người quay trở lại tác động đến chính người ấy. Vì vậy, con người có khả năng chuyển hướng tiến trình nghiệp của mình ở một mức độ nhất định. Mức độ chuyển đổi đến đâu phụ thuộc vào chính nỗ lực và hành động của mỗi người.

Vậy con người có nhất thiết phải gặt hái toàn bộ những gì mình đã gieo theo một tỷ lệ tương ứng hay không?

Đức Phật đã đưa ra lời giải đáp: *"Nếu có người nói rằng một người nam hay một người nữ nhất thiết phải gặt hái ngay trong đời này tất cả những gì họ đã tạo tác bằng hành động hiện tại, thì trong trường hợp ấy sẽ không còn con đường tu tập tâm linh, cũng không còn cơ hội để chấm dứt hoàn toàn khổ đau.*

Nhưng nếu có người nói rằng những gì một người nam hay một người nữ gặt hái trong đời này và những đời sống tương lai đều tùy thuộc vào những hành động họ đã thực hiện trong hiện tại và quá khứ, thì trong trường hợp ấy vẫn có con đường tu tập tâm linh và vẫn có cơ hội để chấm dứt hoàn toàn khổ đau".

(*Tăng Chi Bộ Kinh - Aṅguttara Nikāya*)

Mặc dù *Kinh Pháp Cú* (*Dhammapada*) có dạy rằng: *"Không phải trên trời, giữa đại dương hay khi đi vào hang sâu trong núi, có nơi nào trên thế gian này mà con người có thể tìm đến để trốn tránh hậu quả của một hành động ác đã gây ra".*

Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa con người buộc phải trả hết mọi món nợ nghiệp từ quá khứ. Nếu thực sự như vậy, giải thoát sẽ trở thành điều không thể đạt được, và vòng tái diễn vô tận của khổ đau sẽ là kết cục đáng tiếc của chúng

sinh.

Nguyên nhân nào tạo nên nghiệp?

Vô minh (*Avijjā*), tức không nhận thức được sự vật, hiện tượng đúng như bản chất chân thực của chúng, là nguyên nhân chủ yếu tạo nên nghiệp.

Trong giáo lý Duyên khởi (*Paṭicca Samuppāda*), đức Phật dạy: "Do duyên vô minh, hành sinh khởi" (*Avijjā paccayā saṅkhārā*).

Đi đôi với vô minh là tham ái (*Taṇhā*), một yếu tố đồng hành và cũng là cội rễ còn lại của nghiệp.

Các hành động bất thiện được hình thành do sự chi phối của hai nguyên nhân này. Đối với một phàm phu (*Puthujjana*), ngay cả những hành động thiện lành, dù gắn liền với ba căn thiện là không tham (*Alobha*), không sân (*Adosa*) và trí tuệ (*Amoha*), vẫn được xem là nghiệp, bởi hai căn gốc là vô minh và tham ái vẫn còn tiềm ẩn trong người ấy.

Ngược lại, các trạng thái tâm thuộc Đạo siêu thế (*Magga Citta*), mang tính chất đạo đức cao thượng, không được xem là nghiệp, bởi chúng có xu hướng đoạn trừ chính hai căn nguyên gốc rễ ấy.

Ai là người tạo nghiệp? Ai là người thọ nhận quả nghiệp? Nghiệp có nhào nặn nên một linh hồn hay không?

Khi giải đáp những câu hỏi vi tế này, Đại luận sư Buddhaghosa đã viết trong bộ *Thanh Tịnh Đạo* (*Visuddhimagga*):

"Không có người tạo tác hành động,

Cũng không có người thọ nhận quả;

Chỉ có các thành phần cấu hợp tiếp nối vận hành.

Đó chính là chính kiến chân thực".

Chẳng hạn, chiếc bàn mà chúng ta nhìn thấy chỉ là một thực tại biểu kiến, tức sự vật tồn tại theo cách nhận biết thông thường. Xét trên phương diện chân đế, cái gọi là chiếc bàn thực chất được cấu thành từ nhiều yếu tố, tính chất và các lực tương tác khác nhau.

Trong đời sống thông thường, một nhà khoa học có thể sử dụng thuật ngữ "nước" để chỉ một chất lỏng quen thuộc. Nhưng khi làm việc trong phòng thí nghiệm, người ấy sẽ sử dụng công thức hóa học H_2O để xác định thành phần cấu tạo của nó.

Tương tự như vậy, trong giao tiếp và nhận thức thông thường, chúng ta sử dụng những khái niệm như người nam, người nữ, chúng sinh, bản ngã và những thuật ngữ tương tự.

Tuy nhiên, những hình thái được xem là tồn tại ấy thực chất chỉ là sự kết hợp của các hiện tượng tâm - vật lý (*nāma-rūpa*), luôn luôn biến đổi và không bao giờ giữ nguyên trạng thái trong hai sát na liên tiếp.

Vì vậy, Phật giáo không thừa nhận một thực thể bất biến; không có một chủ thể hành động tồn tại độc lập bên ngoài hành động, một người nhận thức tách biệt khỏi quá trình nhận thức, hay một chủ thể có ý thức thường hằng nằm phía sau dòng tâm thức.

Vậy ai là người tạo nghiệp? Ai là người trải nghiệm kết quả của nghiệp?

Chính tác ý hay ý chí (*Cetanā*) là yếu tố thực hiện hành động, còn cảm thọ (*Vedanā*) là yếu tố tiếp nhận và trải nghiệm quả của những hành động ấy.

Ngoài những trạng thái tâm thuần túy này (*Suddhadhamma*), không có một thực thể hay cá nhân độc lập nào đứng ra gieo nhân và gặt quả.

[Góc nhìn biên tập]

Trong Phật giáo, nghiệp không phải một bản án định sẵn đối với số phận con người, mà là quy luật nhân quả gắn liền với hành động có chủ ý. Nhận thức đúng về nghiệp giúp con người hiểu rằng hoàn cảnh hiện tại không hoàn toàn bất biến, quá khứ không phải yếu tố duy nhất quyết định tương lai và mỗi cá nhân luôn có khả năng góp phần chuyển hóa đời sống thông qua nhận thức, ý chí và hành động thiện lành.

Đặc biệt, việc đặt học thuyết nghiệp trong mối liên hệ với năm quy luật tự nhiên, giáo lý Duyên khởi và Vô ngã cho thấy Phật giáo không quy mọi hiện tượng về một nguyên nhân duy nhất, cũng không thừa nhận một linh hồn bất biến hay quyền lực siêu nhiên chi phối tuyệt đối vận mệnh chúng sinh.

Giá trị thực tiễn của giáo lý này nằm ở việc khơi dậy tinh thần tự chịu trách nhiệm, chủ động chuyển hóa bản thân và không thụ động cam chịu trước nghịch cảnh. Hiểu đúng về nghiệp cũng là cơ sở để nuôi dưỡng lòng từ bi, tránh

thái độ quy kết những người đang nghèo khó, bệnh tật hay bất hạnh là do họ đáng phải chịu như vậy.

Nghiệp không chỉ giúp lý giải những gì chúng ta đang trải nghiệm, mà còn nhắc nhở mỗi người về trách nhiệm đối với những gì mình đang kiến tạo cho hiện tại và tương lai.

Tác giả: **Hòa thượng Mahasi Sayadaw**/Chuyển ngữ: **Thường Nguyên**

Nguồn: https://www.buddhanet.net/e-learning/karma/

(Còn tiếp...)

Chú giải thuật ngữ:

1] Karma (Kamma): Nghiệp; thuật ngữ chỉ hành động có chủ ý thông qua thân, khẩu và ý, tạo nên những hệ quả tương ứng. Karma là dạng Sanskrit, Kamma là dạng Pāli.

2] Vipāka: Quả nghiệp; kết quả phát sinh từ nghiệp, được biểu hiện qua những trạng thái và trải nghiệm tương ứng.

3] Cetanā: Tác ý; chủ ý hay ý chí thúc đẩy hành động. Đức Phật xác định tác ý là nghiệp, giữ vai trò then chốt trong việc phân định bản chất thiện, bất thiện của hành động.

4] Pañca Niyāma: Năm quy luật tự nhiên, gồm Utu Niyāma (quy luật vật lý vô cơ), Bīja Niyāma (quy luật sinh học hữu cơ), Kamma Niyāma (quy luật nghiệp), Dhamma Niyāma (quy luật trật tự tự nhiên) và Citta Niyāma (quy luật tâm thức).

5] Avijjā: Vô minh; trạng thái không nhận thức đúng bản chất của thực tại, là một trong những nguyên nhân căn bản duy trì vòng luân hồi.

6] Taṇhā: Tham ái; sự khao khát, bám víu và ham muốn đối với các đối tượng, trạng thái và sự tồn tại.

7] Paṭicca Samuppāda: Duyên khởi; giáo lý chỉ rõ các hiện tượng sinh khởi do nương vào những điều kiện tương ứng, không tồn tại độc lập hay tự thân.

8] Alobha, Adosa, Amoha: Ba căn thiện gồm không tham, không sân và không si (trí tuệ), là những nền tảng của hành động thiện lành.

9] Puthujjana: Phàm phu; người chưa chứng đắc các Thánh quả, còn chịu sự chi phối của vô minh và tham ái.

10]Magga Citta: Đạo tâm; trạng thái tâm siêu thế tương ứng với sự chứng đắc từng Thánh đạo, có khả năng đoạn trừ những phiền não tương ứng.

11] Vedanā: Thọ (cảm thọ); một trong năm uẩn, chỉ sự cảm nhận dễ chịu, khó chịu hoặc trung tính phát sinh khi các căn tiếp xúc với đối tượng.

12] Nāma-Rūpa: Danh sắc; hai phương diện tâm lý và vật chất cấu thành đời sống hữu tình.

13] Suddhadhamma: Các pháp chân thực hay những yếu tố tâm – vật lý được xét theo phương diện bản chất, không hàm ý một chủ thể hay linh hồn độc lập.

14] Arahant: A la hán, bậc đã đoạn tận các lậu hoặc, giải thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi.

15] Nibbāna (Nirvāṇa): Niết bàn; trạng thái đoạn tận tham, sân, si và giải thoát khỏi khổ đau, luân hồi.

16] Lakkhaṇa Sutta: Kinh Tướng, thuộc Trường Bộ Kinh (Dīgha Nikāya), trình bày 32 tướng tốt của bậc Đại nhân và những thiện nghiệp tương ứng.

17] Atthasālinī: Bộ luận giải thuộc truyền thống A tỳ đàm Theravāda, thường được biết đến với tên *Giải Thích Ý Nghĩa* (The Expositor).

18] Visuddhimagga: Thanh Tịnh Đạo; tác phẩm luận giải quan trọng của Đại luận sư Buddhaghosa, trình bày hệ thống con đường tu tập hướng đến thanh tịnh và giải thoát.

19] Dhammapada: Kinh Pháp Cú; tuyển tập các bài kệ giáo huấn của Đức Phật, thuộc Tiểu Bộ Kinh (Khuddaka Nikāya).

20] Saṃyutta Nikāya: Tương Ưng Bộ Kinh; một bộ kinh thuộc hệ thống năm bộ Nikāya của Phật giáo Theravāda.

21] Aṅguttara Nikāya: Tăng Chi Bộ Kinh; bộ kinh được sắp xếp theo hệ thống pháp số, thuộc kinh điển Pāli.

22] Sutta Nipāta: Kinh Tập; một tập kinh thuộc Tiểu Bộ Kinh, bao gồm nhiều bài kinh và kệ ngôn cổ trong truyền thống Phật giáo Theravāda.